

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 10 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Danh mục công trình, dự án thực hiện năm 2023  
phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính  
phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 345/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thông qua Danh mục công trình, dự án thực  
hiện năm 2023 phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và Công văn số  
6642/UBND-KT ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giải  
trình ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo  
cáo thẩm tra số 93/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế -  
Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng  
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua Danh mục công trình, dự án thực hiện năm 2023  
phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013  
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, như sau:**

Tổng số công trình, dự án phải thu hồi đất là 298 công trình, dự án với  
tổng diện tích đất thu hồi là 2.040,74 ha; trong đó:

- Đất trồng lúa: 426,37 ha.
- Đất rừng phòng hộ: 2,79 ha.
- Các loại đất khác: 1.611,58 ha.

(Đính kèm Danh mục)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khoá X, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: TN&MT, Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh uỷ;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Bình**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2023 PHẢI THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

| STT                                                              | Tên công trình, dự án                                                                          | Địa điểm thực hiện                                     | Diện tích dự kiến thu hồi (ha) | Trong đó |                   |          | Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Nguồn vốn                                           | Ghi chú     |
|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------|----------|-------------------|----------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------|
|                                                                  |                                                                                                |                                                        |                                | Đất lúa  | Đất rừng phòng hộ | Đất khác |                                   |                                                     |             |
| A. NHÓM CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH, TW PHÂN BỐ |                                                                                                |                                                        | 353,37                         | 98,85    | 2,06              | 252,46   | 16.937,79                         |                                                     |             |
| I. Thành phố Mỹ Tho (Có 08 công trình, dự án)                    |                                                                                                |                                                        | 23,45                          | 2,90     |                   | 20,55    | 2.322,89                          |                                                     |             |
| 1                                                                | Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thành phố Mỹ Tho                                                 | Phường 6                                               | 0,76                           |          |                   | 0,76     | 26,89                             | Ngân sách tỉnh                                      | Chuyển tiếp |
| 2                                                                | Trường Mầm non Tuổi Xanh                                                                       | Phường 4                                               | 0,07                           |          |                   | 0,07     | 15,00                             | Ngân sách tỉnh                                      | Chuyển tiếp |
| 3                                                                | Trường Tiểu học Thái Sanh Hạnh                                                                 | Phường 10                                              | 0,61                           |          |                   | 0,61     | 98,73                             | Ngân sách tỉnh                                      | Chuyển tiếp |
| 4                                                                | Trường THCS Bảo Định                                                                           | Phường 10                                              | 0,50                           |          |                   | 0,50     | 92,27                             | Ngân sách tỉnh                                      | Chuyển tiếp |
| 5                                                                | Khu dân cư Trung An                                                                            | Xã Trung An                                            | 0,15                           |          |                   | 0,15     | 10,00                             | Ngân sách tỉnh (dự kiến từ quỹ phát triển đất tỉnh) | Chuyển tiếp |
| 6                                                                | Đường giao thông hai bên bờ sông Bảo Định                                                      | Các phường, xã: 1, 2, 3, 5, 7, 10, Mỹ Phong, Đạo Thạnh | 13,84                          |          |                   | 13,84    | 2.000,00                          | Vốn Ngân sách TW và Ngân sách địa phương            | Chuyển tiếp |
| 7                                                                | Khu tái định cư Cầu Rạch Miễu 2                                                                | Xã Phước Thạnh                                         | 5,20                           | 0,82     |                   | 4,38     |                                   | Ngân sách tỉnh                                      | Chuyển tiếp |
| 8                                                                | Đại đội trình sát                                                                              | Xã Mỹ Phong                                            | 2,31                           | 2,08     |                   | 0,23     | 80,00                             | Ngân sách tỉnh                                      | Chuyển tiếp |
| II. Thị xã Gò Công (Có 03 công trình, dự án)                     |                                                                                                |                                                        | 0,72                           | 0,30     |                   | 0,42     | 56,04                             |                                                     |             |
| 1                                                                | Chợ Bình Xuân                                                                                  | Xã Bình Xuân                                           | 0,25                           | 0,25     |                   |          | 13,39                             | Ngân sách tỉnh                                      | Chuyển tiếp |
| 2                                                                | Mở rộng Trường Mẫu giáo Bình Xuân                                                              | Xã Bình Xuân                                           | 0,05                           | 0,05     |                   |          | 14,75                             | Ngân sách tỉnh                                      | Mới         |
| 3                                                                | Bờ Kè Bắc kênh Salisette (đoạn từ cầu Trương Định đến cầu kênh Tỉnh)                           | Phường 2                                               | 0,42                           |          |                   | 0,42     | 27,90                             | Ngân sách tỉnh                                      | Chuyển tiếp |
| III. Thị xã Cai Lậy (Có 07 công trình, dự án)                    |                                                                                                |                                                        | 42,03                          | 11,24    |                   | 30,79    | 364,42                            |                                                     |             |
| 1                                                                | Đường gom dân sinh thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận | Các xã: Tân Hội; Tân Bình; Phường Nhị Mỹ, Phường 2     | 7,20                           | 3,70     |                   | 3,50     | 72,00                             | Vốn TW và ngân sách tỉnh                            | Chuyển tiếp |
| 2                                                                | Đường 30/4 thị xã Cai Lậy (từ cầu ấp Bờ 5 đến đường tránh QL1)                                 | Phường 5, xã Long Khánh                                | 0,71                           |          |                   | 0,71     | 30,00                             | Ngân sách tỉnh                                      | Chuyển tiếp |
| 3                                                                | Dự án Bờ kè sông Ba Rài                                                                        | Phường 1, 2 và xã Tân Bình                             | 6,00                           |          |                   | 6,00     | 120,00                            | Vốn TW và ngân sách tỉnh                            | Chuyển tiếp |
| 4                                                                | Cầu Vàm Bà Thửa                                                                                | Xã Tân Bình                                            | 1,00                           |          |                   | 1,00     | 6,00                              | Ngân sách tỉnh                                      | Chuyển tiếp |
| 5                                                                | Nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 874                                                                | Xã Tân Phú                                             | 1,00                           |          |                   | 1,00     | 14,00                             | Ngân sách tỉnh                                      | Chuyển tiếp |
| 6                                                                | Nâng cấp mặt đường và cầu Tân Bình trên ĐT 868 (đoạn từ cầu Sa Rài đến cầu kênh 12)            | Phường 3, xã Tân Bình                                  | 1,00                           |          |                   | 1,00     | 30,00                             | Ngân sách tỉnh                                      | Chuyển tiếp |
| 7                                                                | Đường Lộ Dây Thép (ĐT880B)                                                                     | Xã Tân Hội                                             | 25,12                          | 7,54     |                   | 17,58    | 92,42                             | Ngân sách tỉnh                                      | Chuyển tiếp |
| IV. Huyện Châu Thành (Có 17 công trình, dự án)                   |                                                                                                |                                                        | 26,56                          | 6,35     |                   | 20,21    | 2.355,52                          |                                                     |             |
| 1                                                                | Kiểm soát nguồn nước kênh Nguyễn Tấn Thành và bờ hữu sông Vàm Cỏ Tây                           | Các xã: Song Thuận, Bình Đức                           | 1,17                           |          |                   | 1,17     | 463,00                            | Ngân sách TW                                        | Chuyển tiếp |
| 2                                                                | Đê bờ Tây kênh Nguyễn Tấn Thành                                                                | Các xã: Long Hưng, Đông Hòa                            | 8,30                           | 1,70     |                   | 6,60     | 114,00                            | Ngân sách tỉnh                                      | Chuyển tiếp |
| 3                                                                | Trường Mầm non Bình Đức                                                                        | Xã Bình Đức                                            | 0,48                           |          |                   | 0,48     | 50,00                             | Ngân sách tỉnh                                      | Chuyển tiếp |



| STT                                                 | Tên công trình, dự án                                                                                                             | Địa điểm thực hiện                                 | Diện tích dự kiến thu hồi (ha) | Trong đó     |                   |              | Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Nguồn vốn                      | Ghi chú     |
|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------|--------------|-------------------|--------------|-----------------------------------|--------------------------------|-------------|
|                                                     |                                                                                                                                   |                                                    |                                | Đất lúa      | Đất rừng phòng hộ | Đất khác     |                                   |                                |             |
| 4                                                   | Trường Tiểu học Bình Đức                                                                                                          | Xã Bình Đức                                        | 0,88                           |              |                   | 0,88         | 65,00                             | Ngân sách tỉnh                 | Chuyển tiếp |
| 5                                                   | Trường Tiểu học Long Định (bổ sung diện tích)                                                                                     | Xã Long Định                                       | 0,55                           |              |                   | 0,55         | 15,00                             | Ngân sách tỉnh                 | Chuyển tiếp |
| 6                                                   | Trường Tiểu học Vĩnh Kim                                                                                                          | Xã Vĩnh Kim                                        | 1,50                           | 0,30         |                   | 1,20         | 142,00                            | Ngân sách tỉnh                 | Chuyển tiếp |
| 7                                                   | Trường Tiểu học và THCS xã Long An                                                                                                | Xã Long An                                         | 0,30                           |              |                   | 0,30         | 30,00                             | Ngân sách tỉnh                 | Mới         |
| 8                                                   | Trường Mầm non Long Hưng                                                                                                          | Xã Long Hưng                                       | 0,50                           |              |                   | 0,50         | 50,00                             | Ngân sách tỉnh                 | Mới         |
| 9                                                   | Nâng cấp, mở rộng Đường huyện 34                                                                                                  | Xã Long Hưng                                       | 0,20                           |              |                   | 0,20         | 40,00                             | Ngân sách tỉnh                 | Chuyển tiếp |
| 10                                                  | Xây dựng cầu Kênh Năng trên đường huyện 33                                                                                        | Xã Long Định                                       | 0,10                           |              |                   | 0,10         | 20,00                             | Ngân sách tỉnh                 | Mới         |
| 11                                                  | Chợ Long Hưng                                                                                                                     | Xã Long Hưng                                       | 0,35                           | 0,35         |                   |              | 10,00                             | Ngân sách tỉnh                 | Chuyển tiếp |
| 12                                                  | Trạm y tế xã Hữu Đạo                                                                                                              | Xã Hữu Đạo                                         | 0,15                           |              |                   | 0,15         | 10,00                             | Ngân sách tỉnh                 | Chuyển tiếp |
| 13                                                  | Mộ ông Phan Hiến Đạo                                                                                                              | Xã Vĩnh Kim                                        | 0,04                           |              |                   | 0,04         | 0,06                              | Ngân sách tỉnh                 | Chuyển tiếp |
| 14                                                  | Hạ tầng phát triển và bảo vệ vùng cây ăn trái Thuộc Nhiều - Mỹ Long; Hạng mục đê bờ Tây kênh Nguyễn Tấn Thành và các cống dưới đê | Các xã: Long Hưng, Đông Hòa                        | 0,73                           |              |                   | 0,73         | 205,90                            | Ngân sách TW và ngân sách tỉnh | Chuyển tiếp |
| 15                                                  | Đầu tư xây dựng Hệ thống cống ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra Sông Tiền trên đường tỉnh 864 (giai đoạn 1)                       | Xã Phú Phong                                       | 0,60                           |              |                   | 0,60         | 846,36                            | Ngân sách TW và ngân sách tỉnh | Chuyển tiếp |
| 16                                                  | Đường phát triển vùng Đồng Tháp Mười (giai đoạn 1)                                                                                | Xã Tân Lý Đông                                     | 1,00                           | 1,00         |                   |              | 100,00                            | Ngân sách tỉnh                 | Chuyển tiếp |
| 17                                                  | Tiểu dự án GPMB giai đoạn 2 - Trường Đại học Tiền Giang                                                                           | Xã Thân Cửu Nghĩa                                  | 9,71                           | 3,00         |                   | 6,71         | 194,20                            | Ngân sách tỉnh                 | Mới         |
| <b>V. Huyện Tân Phước (Có 02 công trình, dự án)</b> |                                                                                                                                   |                                                    | <b>93,10</b>                   | <b>40,00</b> |                   | <b>53,10</b> | <b>666,00</b>                     |                                |             |
| 1                                                   | Đường phát triển vùng Đồng Tháp Mười (giai đoạn 1)                                                                                | Các xã: Tân Lập 1, Phước Lập, thị trấn Mỹ Phước    | 92,00                          | 40,00        |                   | 52,00        | 596,00                            | Ngân sách TW và ngân sách tỉnh | Chuyển tiếp |
| 2                                                   | Mở rộng diện tích xây dựng thao trường huấn luyện của Ban CHQS huyện Tân Phước                                                    | Thị trấn Mỹ Phước                                  | 1,10                           |              |                   | 1,10         | 70,00                             | Ngân sách tỉnh                 | Chuyển tiếp |
| <b>VI. Huyện Cai Lậy (Có 05 công trình, dự án)</b>  |                                                                                                                                   |                                                    | <b>16,36</b>                   | <b>0,34</b>  |                   | <b>16,02</b> | <b>1.254,15</b>                   |                                | Chuyển tiếp |
| 1                                                   | Sở chỉ huy diễn tập tỉnh                                                                                                          | Xã Cẩm Sơn                                         | 3,30                           |              |                   | 3,30         | 39,50                             | Ngân sách tỉnh                 | Chuyển tiếp |
| 2                                                   | Đầu tư xây dựng hệ thống các cống ngăn mặn tại đầu các kênh, rạch ra sông Tiền trên đường Tỉnh 864 (giai đoạn 1)                  | Xã Tam Bình                                        | 10,00                          |              |                   | 10,00        | 846,36                            | Ngân sách TW và ngân sách tỉnh | Chuyển tiếp |
| 3                                                   | Cầu Ngang sông Ba Rài trên ĐH 67                                                                                                  | Các xã: Hội Xuân, Cẩm Sơn                          | 1,18                           |              |                   | 1,18         | 118,00                            | Ngân sách tỉnh                 | Mới         |
| 4                                                   | Cầu Tân Phong, huyện Cai Lậy                                                                                                      | Xã Tân Phong                                       | 0,94                           |              |                   | 0,94         | 242,51                            | Ngân sách tỉnh                 | Mới         |
| 5                                                   | Đường Kênh Đại Thắng, xã Phú Nhuận                                                                                                | Xã Phú Nhuận                                       | 0,94                           | 0,34         |                   | 0,60         | 7,78                              | Ngân sách tỉnh                 | Mới         |
| <b>VII. Huyện Cái Bè (Có 17 công trình, dự án)</b>  |                                                                                                                                   |                                                    | <b>20,22</b>                   | <b>0,22</b>  |                   | <b>20,00</b> | <b>1.612,78</b>                   |                                |             |
| 1                                                   | Dự án Nâng cấp, mở rộng các Đường tỉnh 861, 863, 869 (kết nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp)                                  | Các xã: Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B, Hòa Khánh, Thiện Trung | 0,60                           | 0,06         |                   | 0,54         | 249,27                            | Ngân sách TW và ngân sách tỉnh | Mới         |
| 2                                                   | Dự án Cầu Tân Phong                                                                                                               | Xã Đông Hòa Hiệp                                   | 1,62                           | 0,16         |                   | 1,46         | 242,51                            | Ngân sách tỉnh                 | Mới         |
| 3                                                   | Mở rộng Trường THCS Mỹ Hội                                                                                                        | Xã Mỹ Hội                                          | 0,30                           |              |                   | 0,30         | 25,00                             | Ngân sách tỉnh                 | Mới         |
| 4                                                   | Xử lý sạt lở xã Đông Hòa Hiệp                                                                                                     | Xã Đông Hòa Hiệp                                   | 0,80                           |              |                   | 0,80         | 150,00                            | Ngân sách tỉnh                 | Mới         |

| STT                                                  | Tên công trình, dự án                                                                        | Địa điểm thực hiện                                                     | Diện tích dự kiến thu hồi (ha) | Trong đó    |                   |              | Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Nguồn vốn                            | Ghi chú     |
|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------|-------------------|--------------|-----------------------------------|--------------------------------------|-------------|
|                                                      |                                                                                              |                                                                        |                                | Đất lúa     | Đất rừng phòng hộ | Đất khác     |                                   |                                      |             |
| 5                                                    | Nâng cấp, mở rộng đường DH.71 và các cầu trên tuyến                                          | Các xã: Mỹ Hội, Hậu Thành, Hòa Khánh                                   | 1,80                           |             |                   | 1,80         | 95,00                             | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 6                                                    | Nâng cấp, mở rộng đường DH.72 và 02 cầu trên tuyến                                           | Các xã: Mỹ Hội, Hậu Thành, Hòa Khánh                                   | 0,10                           |             |                   | 0,10         | 40,00                             | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 7                                                    | Nâng cấp, mở rộng đường DH.74 và 02 cầu trên tuyến                                           | Xã Đông Hòa Hiệp và thị trấn Cái Bè                                    | 0,10                           |             |                   | 0,10         | 25,00                             | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 8                                                    | Nâng cấp, mở rộng đường DH.75                                                                | Xã Hòa Khánh                                                           | 0,05                           |             |                   | 0,05         | 30,00                             | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 9                                                    | Nâng cấp, mở rộng đường DH.77                                                                | Các xã: Mỹ Đức Đông, Mỹ Tân, Thiện Trung, Hậu Mỹ Bắc A                 | 0,25                           |             |                   | 0,25         | 68,00                             | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 10                                                   | Trường Tiểu học An Hữu                                                                       | Xã An Hữu                                                              | 1,50                           |             |                   | 1,50         | 90,00                             | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 11                                                   | Cầu nối Đường tỉnh 861 và Đường tỉnh 863                                                     | Xã Mỹ Trung                                                            | 0,10                           |             |                   | 0,10         | 40,00                             | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 12                                                   | Mở rộng trường Tiểu học B thị trấn Cái Bè                                                    | Thị trấn Cái Bè                                                        | 1,50                           |             |                   | 1,50         | 25,00                             | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 13                                                   | Mở rộng Trường THPT Huỳnh Văn Sấm                                                            | Thị trấn Cái Bè và xã Đông Hòa Hiệp                                    | 0,40                           |             |                   | 0,40         | 29,00                             | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 14                                                   | Công viên trái cây                                                                           | Thị trấn Cái Bè                                                        | 10,00                          |             |                   | 10,00        | 340,00                            | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 15                                                   | Cầu Cái Bè trên đường Lộ Gò                                                                  | Thị trấn Cái Bè                                                        | 0,50                           |             |                   | 0,50         | 95,00                             | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 16                                                   | Trường TH và THCS An Thái Đông                                                               | Xã An Thái Đông                                                        | 0,40                           |             |                   | 0,40         | 68,00                             | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 17                                                   | Trường mẫu giáo diêm Rạch Năm Thành                                                          | Xã Mỹ Đức Tây                                                          | 0,20                           |             |                   | 0,20         | 1,00                              | Ngân sách tỉnh                       | Mới         |
| <b>VIII. Huyện Chợ Gạo (Có 14 công trình, dự án)</b> |                                                                                              |                                                                        | <b>57,03</b>                   | <b>3,59</b> |                   | <b>53,44</b> | <b>4.278,86</b>                   |                                      |             |
| 1                                                    | Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền)                                                         | Các xã: Xuân Đông, Hòa Tịnh, Bình Ninh                                 | 18,37                          | 2,00        |                   | 16,37        | 3.263,00                          | Ngân sách TW và ngân sách địa phương | Chuyển tiếp |
| 2                                                    | Nâng cấp mở rộng đường huyện 25C                                                             | Xã Tân Thuận Bình                                                      | 1,14                           |             |                   | 1,14         | 25,00                             | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 3                                                    | Trường Mầm non Long Bình Điền                                                                | Xã Long Bình Điền                                                      | 0,60                           |             |                   | 0,60         | 35,00                             | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 4                                                    | Khu hành chính huyện Chợ Gạo (Trụ sở làm việc UBND huyện, các phòng chức năng và hội trường) | Xã Long Bình Điền                                                      | 12,10                          | 0,30        |                   | 11,80        | 100,00                            | Ngân sách tỉnh, huyện                | Chuyển tiếp |
| 5                                                    | Bia lưu niệm, di tích Khu căn cứ huyện ủy                                                    | Xã Trung Hòa                                                           | 0,35                           |             |                   | 0,35         | 15,00                             | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 6                                                    | Bia Cấm Thù                                                                                  | Xã Bình Ninh                                                           | 0,08                           |             |                   | 0,08         | 6,00                              | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 7                                                    | Cảng cá tỉnh Tiền Giang                                                                      | Xã Xuân Đông                                                           | 14,00                          |             |                   | 14,00        | 167,00                            | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 8                                                    | Khu tái định cư, chợ, nhà văn hóa xã Bình Phục Nhứt                                          | Xã Bình Phục Nhứt                                                      | 3,60                           | 0,50        |                   | 3,10         | 50,00                             | Vốn TW                               | Chuyển tiếp |
| 9                                                    | Các cống điều tiết bảo vệ vùng sản xuất thanh long thuộc hệ Bảo Định                         | Các xã: Phú Kiết, Mỹ Tịnh An, Lương Hòa Lạc, Trung Hòa, Tân Bình Thạnh | 0,70                           |             |                   | 0,70         | 85,00                             | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |
| 10                                                   | Đường tỉnh 877C và cầu qua kênh Chợ Gạo (đoạn từ Đường tỉnh 879D đến Đường tỉnh 877)         | Các xã: Bình Phục Nhứt, Quơn Long                                      | 3,60                           | 0,72        |                   | 2,88         | 375,00                            | Ngân sách TW và ngân sách địa phương | Chuyển tiếp |
| 11                                                   | Đường tỉnh 879C                                                                              | Xã Long Bình Điền                                                      | 0,71                           | 0,07        |                   | 0,64         | 40,00                             | Ngân sách tỉnh                       | Chuyển tiếp |

| STT                                                    | Tên công trình, dự án                                                                                               | Địa điểm thực hiện                                | Diện tích dự kiến thu hồi (ha) | Trong đó     |                   |              | Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Nguồn vốn                          | Ghi chú     |
|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------|--------------|-------------------|--------------|-----------------------------------|------------------------------------|-------------|
|                                                        |                                                                                                                     |                                                   |                                | Đất lúa      | Đất rừng phòng hộ | Đất khác     |                                   |                                    |             |
| 12                                                     | Nâng cấp mở rộng khu mộ Âu Dương Lân                                                                                | Xã Phú Kiết                                       | 0,13                           |              |                   | 0,13         | 14,86                             | Ngân sách tỉnh                     | Mới         |
| 13                                                     | Trường Trung học cơ sở Bình Ninh (xây dựng mới)                                                                     | Xã Bình Ninh                                      | 1,00                           |              |                   | 1,00         | 50,00                             | Ngân sách tỉnh                     | Mới         |
| 14                                                     | Đường Huyện 27                                                                                                      | Xã Đăng Hưng Phước                                | 0,65                           |              |                   | 0,65         | 53,00                             | Ngân sách tỉnh                     | Mới         |
| <b>IX. Huyện Gò Công Tây (Có 01 công trình, dự án)</b> |                                                                                                                     |                                                   | <b>11,19</b>                   | <b>2,00</b>  |                   | <b>9,19</b>  |                                   |                                    |             |
| 1                                                      | Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền)                                                                                | Các xã: Long Bình, Bình Tân                       | 11,19                          | 2,00         |                   | 9,19         |                                   | Ngân sách tỉnh                     | Chuyển tiếp |
| <b>X. Huyện Gò Công Đông (Có 24 công trình, dự án)</b> |                                                                                                                     |                                                   | <b>61,06</b>                   | <b>31,88</b> | <b>2,06</b>       | <b>27,12</b> | <b>3.811,31</b>                   |                                    |             |
| 1                                                      | Mở rộng Trường Thái Văn Nam                                                                                         | Xã Kiểng Phước                                    | 0,32                           |              |                   | 0,32         | 3,00                              | Ngân sách tỉnh                     | Mới         |
| 2                                                      | Mở rộng Trường Mẫu Giáo xã Kiểng Phước                                                                              | Xã Kiểng Phước                                    | 0,80                           | 0,80         |                   |              | 5,00                              | Ngân sách tỉnh                     | Mới         |
| 3                                                      | Trụ sở Công An xã Kiểng Phước                                                                                       | Xã Kiểng Phước                                    | 0,10                           |              |                   | 0,10         | 1,00                              | Ngân sách tỉnh                     | Mới         |
| 4                                                      | Bờ kè phía tây sông Long Uông đoạn cầu Tân Hòa đến cầu Nguyễn Văn Côn                                               | Thị trấn Tân Hòa                                  | 0,23                           |              |                   | 0,23         | 54,00                             | Ngân sách tỉnh                     | Chuyển tiếp |
| 5                                                      | Dự án Đường liên xã Tân Trung – Tân Phước (Đường Huyện lộ 01)                                                       | Xã Tân Phước                                      | 0,45                           |              |                   | 0,45         | 11,00                             | Ngân sách tỉnh                     | Mới         |
| 6                                                      | Đường Thủ Khoa Huân nối dài                                                                                         | Xã Tăng Hòa                                       | 3,20                           | 3,00         |                   | 0,20         | 40,66                             | Ngân sách tỉnh                     | Chuyển tiếp |
| 7                                                      | Đường giao thông phục vụ phát triển công nghiệp phía Đông                                                           | Các xã: Kiểng Phước, Gia Thuận, thị trấn Vàm Láng | 8,60                           |              | 2,02              | 6,58         | 193,00                            | Ngân sách tỉnh                     | Chuyển tiếp |
| 8                                                      | Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền).                                                                               | Các xã: Phước Trung, Tăng Hòa, Tân Thành          | 27,70                          | 20,50        |                   | 7,20         | 3.263,00                          | Ngân sách Trung ương và địa phương | Chuyển tiếp |
| 9                                                      | Xử lý xói lở bờ biển Gò Công Đông (Xói lở bờ biển Gò Công Đông và xói lở bờ biển phía Nam khu du lịch Gò Công Đông) | Xã Tân Thành                                      | 1,75                           |              |                   | 1,75         |                                   | Ngân sách TW và ngân sách tỉnh     | Mới         |
| 10                                                     | Xử lý xói lở bờ biển Gò Công Đông (Đoạn từ cống Tân Thành đến khu du lịch Tân Thành)                                | Xã Tân Thành                                      | 1,65                           |              |                   | 1,65         |                                   | Ngân sách TW và ngân sách tỉnh     | Chuyển tiếp |
| 11                                                     | Nâng cấp đê biển Gò Công (Giai đoạn 2)                                                                              | Các xã: Kiểng Phước, Tân Diễm                     | 6,64                           |              |                   | 6,64         |                                   | Ngân sách TW và ngân sách tỉnh     | Chuyển tiếp |
| 12                                                     | Khu dân cư ấp Dền Đỏ                                                                                                | Xã Tân Thành                                      | 5,31                           | 5,31         |                   |              | 65,00                             | Ngân sách tỉnh                     | Chuyển tiếp |
| 13                                                     | Mở rộng trạm y tế Kiểng Phước                                                                                       | Xã Kiểng Phước                                    | 0,17                           | 0,10         |                   | 0,07         | 6,25                              | Ngân sách tỉnh                     | Chuyển tiếp |
| 14                                                     | Trụ sở Công an xã Tân Tây                                                                                           | Xã Tân Tây                                        | 0,23                           | 0,17         |                   | 0,06         | 6,60                              | Ngân sách tỉnh                     | Chuyển tiếp |
| 15                                                     | Đường huyện 02 nối dài + cầu (đoạn ĐH 01 đến ĐH 10)                                                                 | Xã Tân Phước                                      | 0,39                           | 0,10         |                   | 0,29         | 16,50                             | Ngân sách tỉnh                     | Mới         |
| 16                                                     | Nâng cấp Đường huyện 06 (đường + cầu + HTTN)                                                                        | Xã Gia Thuận                                      | 0,98                           | 0,40         |                   | 0,58         | 14,30                             | Ngân sách tỉnh                     | Mới         |
| 17                                                     | Đường huyện 05B nối dài (đoạn từ ĐT 862 đến ĐH 08)                                                                  | Xã Tăng Hòa                                       | 1,17                           | 0,80         |                   | 0,37         | 14,00                             | Ngân sách tỉnh                     | Mới         |
| 18                                                     | Nâng cấp Bến xe huyện đạt chuẩn loại 3                                                                              | Thị trấn Tân Hòa                                  | 0,10                           |              |                   | 0,10         | 15,00                             | Ngân sách tỉnh                     | Mới         |
| 19                                                     | Mở rộng Trường Mầm non Bình Ân                                                                                      | Xã Bình Ân                                        | 0,10                           | 0,10         |                   |              | 8,00                              | Ngân sách tỉnh                     | Mới         |
| 20                                                     | Mở rộng Trường Mầm non Tân Phước                                                                                    | Xã Tân Phước                                      | 0,31                           | 0,31         |                   |              | 12,00                             | Ngân sách tỉnh                     | Mới         |
| 21                                                     | Mở rộng Trường Mầm non Bình Nghị                                                                                    | Xã Bình Nghị                                      | 0,07                           | 0,07         |                   |              | 22,00                             | Ngân sách tỉnh                     | Mới         |
| 22                                                     | Mở rộng Trường Mầm non Tân Thành                                                                                    | Xã Tân Thành                                      | 0,50                           | 0,02         |                   | 0,48         | 30,00                             | Ngân sách tỉnh                     | Mới         |
| 23                                                     | Mở rộng Trường Tiểu học Tân Diễm                                                                                    | Xã Tân Diễm                                       | 0,20                           | 0,20         |                   |              | 21,00                             | Ngân sách tỉnh                     | Mới         |
| 24                                                     | Bến cập tàu Hải đội 2                                                                                               | Thị trấn Vàm Láng                                 | 0,09                           |              | 0,04              | 0,05         | 10,00                             | Ngân sách Trung ương và địa phương | Mới         |

| STT                                                       | Tên công trình, dự án                                                                                           | Địa điểm thực hiện                   | Diện tích dự kiến thu hồi (ha) | Trong đó |                   |          | Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Nguồn vốn           | Ghi chú     |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|----------|-------------------|----------|-----------------------------------|---------------------|-------------|
|                                                           |                                                                                                                 |                                      |                                | Đất lúa  | Đất rừng phòng hộ | Đất khác |                                   |                     |             |
| XI. Huyện Tân Phú Đông (Có 03 công trình, dự án)          |                                                                                                                 |                                      | 1,66                           | 0,03     |                   | 1,63     | 215,83                            |                     |             |
| 1                                                         | Đường huyện 85E (đoạn qua đường Lý Quàn 2)                                                                      | Xã Phú Đông                          | 0,77                           |          |                   | 0,77     | 13,40                             | Ngân sách tỉnh      | Chuyển tiếp |
| 2                                                         | Mở rộng đường tỉnh 877B đoạn từ đường vào Trung tâm hành chính huyện Tân Phú Đông đến đường Cây Đông xã Phú Tân | Các xã: Phú Thạnh, Phú Đông, Phú Tân | 0,61                           |          |                   | 0,61     | 61,74                             | Ngân sách tỉnh      | Mới         |
| 3                                                         | Cầu Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông                                                                               | Các xã: Tân Phú, Tân Thạnh           | 0,28                           | 0,03     |                   | 0,25     | 140,69                            | Ngân sách tỉnh      | Mới         |
| 101                                                       | Tổng số                                                                                                         |                                      | 353,37                         | 98,85    | 2,06              | 252,46   | 16.937,79                         |                     |             |
| B. NHÓM CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN |                                                                                                                 |                                      | 79,93                          | 33,92    |                   | 46,01    | 906,41                            |                     |             |
| I. Thành phố Mỹ Tho (Có 09 công trình, dự án)             |                                                                                                                 |                                      | 3,99                           |          |                   | 3,99     | 290,17                            |                     |             |
| 1                                                         | Đường vào Trường THCS Nam Định                                                                                  | Phường 6                             | 0,48                           |          |                   | 0,48     | 59,70                             | Ngân sách thành phố | Chuyển tiếp |
| 2                                                         | Trường Mầm non Hướng Dương                                                                                      | Phường 6                             | 0,42                           |          |                   | 0,42     | 66,00                             | Ngân sách thành phố | Chuyển tiếp |
| 3                                                         | Xử lý sạt lở trên địa bàn thành phố Mỹ Tho                                                                      | Phường 3                             | 0,07                           |          |                   | 0,07     | 27,00                             | Ngân sách thành phố | Chuyển tiếp |
| 4                                                         | Hỗ trợ di dời, cắm cọc ranh khu vực ao sen Phường 6                                                             | Phường 6                             | 0,08                           |          |                   | 0,08     | 3,47                              | Ngân sách thành phố | Chuyển tiếp |
| 5                                                         | Đường kênh 26/3                                                                                                 | Phường 5                             | 1,09                           |          |                   | 1,09     | 25,00                             | Ngân sách thành phố | Chuyển tiếp |
| 6                                                         | Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân Phường 6                                                                        | Phường 6                             | 0,14                           |          |                   | 0,14     | 10,00                             | Ngân sách thành phố | Mới         |
| 7                                                         | Đường vào Trường TH Thái Sanh Hạnh và Trường THCS Bảo Định                                                      | Phường 10                            | 0,64                           |          |                   | 0,64     | 71,90                             | Ngân sách thành phố | Chuyển tiếp |
| 8                                                         | Đường huyện 86B (đoạn từ kênh Nội - đường huyện 87)                                                             | Xã Tân Mỹ Chánh                      | 0,53                           |          |                   | 0,53     | 22,10                             | Ngân sách thành phố | Mới         |
| 9                                                         | Đường cấp sông Giáp Nước                                                                                        | Xã Phước Thạnh                       | 0,54                           |          |                   | 0,54     | 5,00                              | Ngân sách thành phố | Mới         |
| II. Thị xã Gò Công (Có 02 công trình, dự án)              |                                                                                                                 |                                      | 0,19                           |          |                   | 0,19     | 38,00                             |                     |             |
| 1                                                         | Mở rộng Trường THCS phường 1                                                                                    | Phường 1                             | 0,02                           |          |                   | 0,02     | 24,00                             | Ngân sách thị xã    | Chuyển tiếp |
| 2                                                         | Mở rộng Trường Tiểu học phường 1                                                                                | Phường 2                             | 0,17                           |          |                   | 0,17     | 14,00                             | Ngân sách thị xã    | Chuyển tiếp |
| III. Thị xã Cai Lậy (Có 20 công trình, dự án)             |                                                                                                                 |                                      | 17,59                          | 5,72     |                   | 11,87    | 207,90                            |                     |             |
| 1                                                         | Trụ sở công an xã Mỹ Hạnh Đông                                                                                  | Xã Mỹ Hạnh Đông                      | 0,20                           | 0,20     |                   |          | 1,00                              | Ngân sách thị xã    | Chuyển tiếp |
| 2                                                         | Trường mầm non Nhị Quý                                                                                          | Xã Nhị Quý                           | 0,20                           |          |                   | 0,20     | 0,90                              | Ngân sách thị xã    | Chuyển tiếp |
| 3                                                         | Khu tái định cư (Hạng mục thu hồi đất)                                                                          | Các phường 4, Nhị Mỹ                 | 6,00                           |          |                   | 6,00     | 62,00                             | Ngân sách thị xã    | Chuyển tiếp |
| 4                                                         | Trường THCS Nhị Quý                                                                                             | Xã Nhị Quý                           | 0,30                           |          |                   | 0,30     | 1,50                              | Ngân sách thị xã    | Chuyển tiếp |
| 5                                                         | Trường THCS Võ Việt Tân                                                                                         | Phường Nhị Mỹ                        | 1,20                           |          |                   | 1,20     | 15,00                             | Ngân sách thị xã    | Chuyển tiếp |
| 6                                                         | Trường Tiểu học Long Khánh (Hạng mục thu hồi đất)                                                               | Xã Long Khánh                        | 0,50                           |          |                   | 0,50     | 5,00                              | Ngân sách thị xã    | Chuyển tiếp |
| 7                                                         | Trường THCS Nhị Quý (điểm phụ)                                                                                  | Xã Nhị Quý                           | 0,30                           |          |                   | 0,30     | 4,00                              | Ngân sách thị xã    | Chuyển tiếp |
| 8                                                         | Trụ sở công an xã Tân Phú                                                                                       | Xã Tân Phú                           | 0,22                           | 0,22     |                   |          | 1,00                              | Ngân sách thị xã    | Chuyển tiếp |
| 9                                                         | Mở rộng trường tiểu học Nhị Quý (ấp Quý Lợi xã Nhị Quý - Hạng mục thu hồi đất)                                  | Xã Nhị Quý                           | 0,24                           |          |                   | 0,24     | 2,50                              | Ngân sách thị xã    | Chuyển tiếp |
| 10                                                        | Trường tiểu học Tân Hội                                                                                         | Xã Tân Hội                           | 0,20                           |          |                   | 0,20     | 2,00                              | Ngân sách thị xã    | Chuyển tiếp |
| 11                                                        | Đường Võ Việt Tân (đoạn từ đường Cao Đăng Chiếm - Cầu vượt cao tốc)                                             | Các phường: 1, 3                     | 1,80                           |          |                   | 1,80     | 25,00                             | Ngân sách thị xã    | Chuyển tiếp |



| STT                                                   | Tên công trình, dự án                                                                       | Địa điểm thực hiện    | Diện tích dự kiến thu hồi (ha) | Trong đó    |                   |              | Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Nguồn vốn        | Ghi chú     |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------|-------------|-------------------|--------------|-----------------------------------|------------------|-------------|
|                                                       |                                                                                             |                       |                                | Đất lúa     | Đất rừng phòng hộ | Đất khác     |                                   |                  |             |
| 12                                                    | Xây dựng Khu thể dục thể thao công an thị xã Cai Lậy (xã Long Khánh - Hạng mục thu hồi đất) | Xã Long Khánh         | 0,20                           |             |                   | 0,20         | 2,50                              | Ngân sách thị xã | Chuyển tiếp |
| 13                                                    | Trung tâm DVKT Nông nghiệp Cai Lậy                                                          | Xã Mỹ Hạnh Trung      | 0,50                           |             |                   | 0,50         | 12,00                             | Ngân sách thị xã | Mới         |
| 14                                                    | Chợ Mỹ Hạnh Trung                                                                           | Xã Mỹ Hạnh Trung      | 0,03                           |             |                   | 0,03         | 1,50                              | Ngân sách thị xã | Mới         |
| 15                                                    | Trường TH và THCS Mỹ Hạnh Trung                                                             | Xã Mỹ Hạnh Trung      | 0,30                           | 0,30        |                   |              | 1,50                              | Ngân sách thị xã | Mới         |
| 16                                                    | Trường TH và THCS Ấp Bắc                                                                    | Xã Tân Phú            | 0,40                           | 0,40        |                   |              | 2,00                              | Ngân sách thị xã | Mới         |
| 17                                                    | Đường Bà Thửa                                                                               | Xã Tân Bình           | 4,90                           | 4,60        |                   | 0,30         | 67,00                             | Ngân sách thị xã | Mới         |
| 18                                                    | Cầu Bà Trà                                                                                  | Xã Phú Quý            | 0,05                           |             |                   | 0,05         | 1,00                              | Ngân sách thị xã | Mới         |
| 19                                                    | Cầu Kênh Mới                                                                                | Các phường: 1, Nhị Mỹ | 0,02                           |             |                   | 0,02         | 0,20                              | Ngân sách thị xã | Mới         |
| 20                                                    | Cầu Kênh Miếu                                                                               | Xã Mỹ Hạnh Trung      | 0,03                           |             |                   | 0,03         | 0,30                              | Ngân sách thị xã | Mới         |
| <b>IV. Huyện Châu Thành (Có 02 công trình, dự án)</b> |                                                                                             |                       | <b>0,20</b>                    |             |                   | <b>0,20</b>  | <b>10,80</b>                      |                  |             |
| 1                                                     | Trụ sở công an xã Bàn Long                                                                  | Xã Bàn Long           | 0,10                           |             |                   | 0,10         | 8,50                              | Ngân sách huyện  | Mới         |
| 2                                                     | Nhà văn hóa xã Hữu Đạo, Hạng mục 02 phòng chức năng                                         | Xã Hữu Đạo            | 0,10                           |             |                   | 0,10         | 2,30                              | Ngân sách huyện  | Chuyển tiếp |
| <b>V. Huyện Tân Phước</b>                             |                                                                                             |                       |                                |             |                   |              |                                   |                  |             |
| <b>VI. Huyện Cai Lậy (Có 14 công trình, dự án)</b>    |                                                                                             |                       | <b>19,61</b>                   | <b>6,13</b> |                   | <b>13,48</b> | <b>83,70</b>                      |                  |             |
| 1                                                     | Trụ sở UBND Thị trấn Bình Phú                                                               | Thị trấn Bình Phú     | 8,00                           | 1,20        |                   | 6,80         | 24,00                             | Ngân sách huyện  | Chuyển tiếp |
| 2                                                     | Trụ sở Công an xã Mỹ Thành Bắc                                                              | Xã Mỹ Thành Bắc       | 0,23                           | 0,23        |                   |              | 1,60                              | Ngân sách huyện  | Chuyển tiếp |
| 3                                                     | Trường Mầm non Cẩm Sơn                                                                      | Xã Cẩm Sơn            | 0,60                           |             |                   | 0,60         | 3,50                              | Ngân sách huyện  | Chuyển tiếp |
| 4                                                     | Mở rộng Trường Tiểu học Cẩm Sơn                                                             | Xã Cẩm Sơn            | 0,13                           |             |                   | 0,13         | 1,10                              | Ngân sách huyện  | Chuyển tiếp |
| 5                                                     | Trường Tiểu học Long Trung                                                                  | Xã Long Trung         | 0,20                           |             |                   | 0,20         | 2,00                              | Ngân sách huyện  | Chuyển tiếp |
| 6                                                     | Trường Tiểu học Mỹ Thành Nam                                                                | Xã Mỹ Thành Nam       | 1,90                           | 1,80        |                   | 0,10         | 6,70                              | Ngân sách huyện  | Mới         |
| 7                                                     | Trường Mầm non Mỹ Long                                                                      | Xã Mỹ Long            | 0,50                           |             |                   | 0,50         | 3,00                              | Ngân sách huyện  | Chuyển tiếp |
| 8                                                     | Trường Mầm non Phú An                                                                       | Xã Phú An             | 0,27                           |             |                   | 0,27         | 3,70                              | Ngân sách huyện  | Chuyển tiếp |
| 9                                                     | Mở rộng Trường Tiểu học Hiệp Đức                                                            | Xã Hiệp Đức           | 0,16                           |             |                   | 0,16         | 1,45                              | Ngân sách huyện  | Chuyển tiếp |
| 10                                                    | Mở rộng Trường Tiểu học Mỹ Long                                                             | Xã Mỹ Long            | 0,57                           |             |                   | 0,57         | 4,00                              | Ngân sách huyện  | Chuyển tiếp |
| 11                                                    | Mở rộng Trường Phan Văn Cẩm                                                                 | Xã Long Tiên          | 0,15                           |             |                   | 0,15         | 0,95                              | Ngân sách huyện  | Chuyển tiếp |
| 12                                                    | Trường Mầm non Bình Phú                                                                     | Thị trấn Bình Phú     | 1,50                           | 1,50        |                   |              | 4,50                              | Ngân sách huyện  | Chuyển tiếp |
| 13                                                    | Trường Tiểu học Bình Phú                                                                    | Thị trấn Bình Phú     | 1,40                           | 1,40        |                   |              | 7,20                              | Ngân sách huyện  | Chuyển tiếp |
| 14                                                    | Dự án khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao                                                | Xã Hội Xuân           | 4,00                           |             |                   | 4,00         | 20,00                             | Ngân sách huyện  | Mới         |
| <b>VII. Huyện Cái Bè (Có 04 công trình, dự án)</b>    |                                                                                             |                       | <b>1,00</b>                    | <b>0,10</b> |                   | <b>0,90</b>  | <b>23,10</b>                      |                  |             |
| 1                                                     | Công viên Hậu Mỹ Bắc A (Khu vui chơi giải trí)                                              | Xã Hậu Mỹ Bắc A       | 0,30                           | 0,10        |                   | 0,20         | 3,00                              | Ngân sách huyện  | Chuyển tiếp |
| 2                                                     | Đường vận chuyển nông sản                                                                   | Xã Hoà Khánh          | 0,30                           |             |                   | 0,30         | 1,50                              | Ngân sách huyện  | Chuyển tiếp |
| 3                                                     | Đường dẫn vào Nhà tập luyện thể thao và Hồ bơi                                              | Thị trấn Cái Bè       | 0,10                           |             |                   | 0,10         | 6,00                              | Ngân sách huyện  | Mới         |
| 4                                                     | Nâng cấp Đường huyện 80                                                                     | Xã Mỹ Tân             | 0,30                           |             |                   | 0,30         | 12,60                             | Ngân sách huyện  | Mới         |
| <b>VIII. Huyện Chợ Gạo (Có 04 công trình, dự án)</b>  |                                                                                             |                       | <b>1,76</b>                    |             |                   | <b>1,76</b>  | <b>22,00</b>                      |                  |             |
| 1                                                     | Nâng cấp mở rộng đường Lê Thị Lệ Chi                                                        | Thị trấn Chợ Gạo      | 0,15                           |             |                   | 0,15         |                                   | Ngân sách huyện  | Chuyển tiếp |



| STT                                                    | Tên công trình, dự án                                         | Địa điểm thực hiện | Diện tích dự kiến thu hồi (ha) | Trong đó     |                   |             | Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Nguồn vốn       | Ghi chú     |
|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------|--------------|-------------------|-------------|-----------------------------------|-----------------|-------------|
|                                                        |                                                               |                    |                                | Đất lúa      | Đất rừng phòng hộ | Đất khác    |                                   |                 |             |
| 2                                                      | Bến phà Vàm Giồng                                             | Xã Bình Ninh       | 0,35                           |              |                   | 0,35        | 14,00                             | Ngân sách huyện | Chuyển tiếp |
| 3                                                      | Trường Mầm non Hòa Định                                       | Xã Hòa Định        | 0,70                           |              |                   | 0,70        | 1,50                              | Ngân sách huyện | Mới         |
| 4                                                      | Trường Mầm non Đặng Hưng Phước                                | Xã Đặng Hưng Phước | 0,56                           |              |                   | 0,56        | 6,50                              | Ngân sách huyện | Chuyển tiếp |
| <b>IX. Huyện Gò Công Tây (Có 21 công trình, dự án)</b> |                                                               |                    | <b>14,40</b>                   | <b>8,31</b>  |                   | <b>6,10</b> | <b>160,58</b>                     |                 |             |
| 1                                                      | Đường Bắc Kênh An Thạnh Thủy (giai đoạn 2)                    | Thị trấn Vĩnh Bình | 0,40                           | 0,22         |                   | 0,18        |                                   | Ngân sách huyện | Chuyển tiếp |
| 2                                                      | Đường Bắc Kênh An Thạnh Thủy (giai đoạn 3)                    | Thị trấn Vĩnh Bình | 0,70                           | 0,39         |                   | 0,32        |                                   | Ngân sách huyện | Mới         |
| 3                                                      | Đường tránh giai đoạn 2 (Kết nối ĐT Vĩnh Bình - ĐT Long Bình) | Thị trấn Vĩnh Bình | 3,56                           | 1,14         |                   | 2,42        |                                   | Ngân sách huyện | Mới         |
| 4                                                      | Đường huyện 12                                                | Xã Thanh Nhựt      | 0,76                           | 0,26         |                   | 0,50        |                                   | Ngân sách huyện | Mới         |
| 5                                                      | Đường huyện 19B                                               | Xã Bình Tân        | 0,05                           | 0,03         |                   | 0,02        | 13,20                             | Ngân sách huyện | Mới         |
| 6                                                      | Đường ranh Thanh Nhựt - Thị trấn Vĩnh Bình                    | Thị trấn Vĩnh Bình | 0,10                           | 0,07         |                   | 0,03        |                                   | Ngân sách huyện | Chuyển tiếp |
| 7                                                      | Chợ hoa Thị trấn Vĩnh Bình                                    | Thị trấn Vĩnh Bình | 0,67                           |              |                   | 0,67        | 13,86                             | Ngân sách huyện | Chuyển tiếp |
| 8                                                      | Mở rộng chợ Thanh Lạc Đông                                    | Xã Thanh Nhựt      | 0,60                           |              |                   | 0,60        | 0,49                              | Ngân sách huyện | Mới         |
| 9                                                      | Mở rộng chợ Kênh 14                                           | Xã Vĩnh Hựu        | 0,15                           |              |                   | 0,15        | 2,00                              | Ngân sách huyện | Mới         |
| 10                                                     | Mở rộng Trường mầm non Ánh Dương                              | Thị trấn Vĩnh Bình | 0,10                           |              |                   | 0,10        | 16,00                             | Ngân sách huyện | Chuyển tiếp |
| 11                                                     | Mở rộng Trường Mầm Non Bình Nhì                               | Xã Bình Nhì        | 0,20                           |              |                   | 0,20        | 23,00                             | Ngân sách huyện | Chuyển tiếp |
| 12                                                     | Mở rộng Trường Mầm Non Bình Phú                               | Xã Bình Phú        | 0,31                           |              |                   | 0,31        |                                   | Ngân sách huyện | Chuyển tiếp |
| 13                                                     | Trường Tiểu học Đỗ Trinh Thoại                                | Xã Yên Luông       | 0,10                           |              |                   | 0,10        | 30,00                             | Ngân sách huyện | Mới         |
| 14                                                     | Trường Tiểu học Phan Thế Đồng                                 | Xã Thanh Trị       | 0,15                           |              |                   | 0,15        | 17,00                             | Ngân sách huyện | Mới         |
| 15                                                     | Trường Tiểu học Nguyễn Thị Tốt                                | Xã Vĩnh Hựu        | 1,00                           | 1,00         |                   |             | 21,00                             | Ngân sách huyện | Chuyển tiếp |
| 16                                                     | Trường THCS Nguyễn Thanh Sơn                                  | Xã Thanh Trị       | 0,25                           |              |                   | 0,25        | 14,01                             | Ngân sách huyện | Mới         |
| 17                                                     | Mở rộng Nghĩa trang nhân dân xã Long Bình                     | Xã Long Bình       | 5,08                           | 5,08         |                   |             | 8,02                              | Ngân sách huyện | Chuyển tiếp |
| 18                                                     | Công viên                                                     | Xã Long Bình       | 0,05                           |              |                   | 0,05        |                                   | Ngân sách huyện | Mới         |
| 19                                                     | Trụ sở ấp Thanh Lạc                                           | Xã Đồng Thạnh      | 0,03                           |              |                   | 0,03        |                                   | Ngân sách huyện | Mới         |
| 20                                                     | Nhà văn hóa ấp Bình Cách                                      | Xã Yên Luông       | 0,12                           | 0,12         |                   |             | 2,00                              | Ngân sách huyện | Mới         |
| 21                                                     | Mở rộng trụ sở ấp Hưng Hoà                                    | Xã Long Vĩnh       | 0,02                           |              |                   | 0,02        |                                   | Ngân sách huyện | Mới         |
| <b>X. Huyện Gò Công Đông (Có 33 công trình, dự án)</b> |                                                               |                    | <b>21,17</b>                   | <b>13,66</b> |                   | <b>7,51</b> | <b>69,56</b>                      |                 |             |
| 1                                                      | Đường Nguyễn Văn Sáng                                         | Xã Phước Trung     | 0,40                           | 0,32         |                   | 0,08        | 1,00                              | Ngân sách huyện | Mới         |
| 2                                                      | Đường thanh niên xung phong                                   | Xã Phước Trung     | 0,10                           | 0,08         |                   | 0,02        | 0,50                              | Ngân sách xã    | Mới         |
| 3                                                      | Đường Miếu Bạch Mã                                            | Xã Phước Trung     | 0,10                           | 0,08         |                   | 0,02        | 0,50                              | Ngân sách xã    | Mới         |
| 4                                                      | Đường cặp kênh số 5, ấp 6                                     | Xã Tân Tây         | 0,10                           | 0,03         |                   | 0,07        | 2,10                              | Ngân sách huyện | Mới         |
| 5                                                      | Đường Đặng Văn Mẹo                                            | Xã Bình Nghị       | 0,35                           | 0,30         |                   | 0,05        | 1,20                              | Ngân sách huyện | Mới         |
| 6                                                      | Đường Cầu Xây - Xóm Chù - Xóm Tựu                             | Xã Kiểng Phước     | 0,08                           | 0,05         |                   | 0,03        | 2,00                              | Ngân sách huyện | Mới         |

| STT                                                                                  | Tên công trình, dự án                                                 | Địa điểm thực hiện            | Diện tích dự kiến thu hồi (ha) | Trong đó |                   |          | Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Nguồn vốn                        | Ghi chú |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|----------|-------------------|----------|-----------------------------------|----------------------------------|---------|
|                                                                                      |                                                                       |                               |                                | Đất lúa  | Đất rừng phòng hộ | Đất khác |                                   |                                  |         |
| 7                                                                                    | Đường Lò Gạch - Hiệp Trị                                              | Thị trấn Tân Hòa              | 0,04                           | 0,02     |                   | 0,02     | 2,00                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 8                                                                                    | Hèm 4B (nhà máy)                                                      | Thị trấn Tân Hòa              | 0,05                           | 0,03     |                   | 0,02     | 1,00                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 9                                                                                    | Đường 6 Thùng                                                         | Xã Tân Thành                  | 0,02                           |          |                   | 0,02     | 0,95                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 10                                                                                   | Đường kênh Địa Su (Kênh 1) (đoạn 2)                                   | Xã Tân Thành                  | 0,20                           | 0,18     |                   | 0,02     | 0,37                              | Ngân sách xã                     | Mới     |
| 11                                                                                   | Đường Lãng Cây Bàng                                                   | Xã Tân Thành                  | 0,03                           |          |                   | 0,03     | 0,19                              | Ngân sách xã                     | Mới     |
| 12                                                                                   | Đường kênh Cụt                                                        | Xã Tân Điền                   | 8,60                           | 6,90     |                   | 1,70     | 3,90                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 13                                                                                   | Đường dẫn nước nổi từ kênh ba đến kênh Tám Vinh                       | Xã Tân Điền                   | 0,31                           | 0,31     |                   |          | 0,78                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 14                                                                                   | Đường Tây Kênh Trần Văn Bình - xã Bình Ân                             | Xã Bình Ân                    | 1,20                           |          |                   | 1,20     | 3,13                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 15                                                                                   | Đường Ruộng Cạn - Chi Bon                                             | Xã Bình Nghi                  | 0,30                           | 0,05     |                   | 0,25     | 0,92                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 16                                                                                   | Đường Trương Văn Thanh - xã Bình Nghi                                 | Xã Bình Nghi                  | 0,30                           |          |                   | 0,30     | 1,06                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 17                                                                                   | Cầu kênh Ranh                                                         | Xã Phước Trung                | 0,40                           |          |                   | 0,40     | 0,58                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 18                                                                                   | Đường Kinh Ngang trên xã Tân Thành                                    | Xã Tân Thành                  | 0,40                           | 0,30     |                   | 0,10     | 1,10                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 19                                                                                   | Đường Vô Miếu Kinh Giữa (ĐH 07 từ kênh cầu đá kéo dài)                | Xã Tân Thành                  | 0,60                           | 0,60     |                   |          | 8,65                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 20                                                                                   | Đường Công Điền ấp 7 - xã Tân Tây                                     | Xã Tân Tây                    | 0,60                           | 0,04     |                   | 0,56     | 2,00                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 21                                                                                   | Đường Nam Kênh Cặp Đê - xã Kiểng Phước                                | Xã Kiểng Phước                | 0,70                           | 0,40     |                   | 0,30     | 3,64                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 22                                                                                   | Đường kênh Cụt ấp Bắc 1 - Bắc 2 xã Tân Điền                           | Xã Tân Điền                   | 0,90                           | 0,50     |                   | 0,40     | 2,50                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 23                                                                                   | Đường ấp văn hóa ấp 4 (Tân Phú) - xã Tân Tây                          | Xã Tân Tây                    | 0,60                           | 0,50     |                   | 0,10     | 1,59                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 24                                                                                   | Đường 6 Trong - xã Tăng Hòa                                           | Xã Tăng Hòa                   | 0,10                           | 0,10     |                   |          | 2,00                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 25                                                                                   | Đường liên ấp 4,5,6 - xã Gia Thuận                                    | Xã Gia Thuận                  | 0,45                           | 0,35     |                   | 0,10     | 11,60                             | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 26                                                                                   | Đường Bờ Rời xã Tân Điền (đoạn từ Kênh 1 đến kênh Udu)                | Xã Tân Điền                   | 0,25                           | 0,25     |                   |          | 1,30                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 27                                                                                   | Đường Chùa Đất Đỏ 4                                                   | Xã Tân Đông                   | 0,09                           | 0,04     |                   | 0,05     | 1,00                              | Ngân sách huyện (phân bổ cho xã) | Mới     |
| 28                                                                                   | Đường cấp kênh 5 Lộ - nghĩa địa xã Tân Đông                           | Xã Tân Đông                   | 0,43                           | 0,03     |                   | 0,40     | 1,20                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 29                                                                                   | Cầu ấp kinh ngang xã Tân Thành                                        | Xã Tân Thành                  | 0,05                           |          |                   | 0,05     | 1,50                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 30                                                                                   | Đường Tây kênh Bờ Bao - xã Kiểng Phước                                | Xã Kiểng Phước                | 1,68                           | 1,00     |                   | 0,68     | 3,95                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 31                                                                                   | Đường Đông kênh Gò Me 1 - xã Bình Ân                                  | Xã Bình Ân                    | 1,10                           | 0,80     |                   | 0,30     | 2,70                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 32                                                                                   | Đường giáp ranh Tân Điền - Kiểng Phước (đoạn từ kênh 1 đến kênh Láng) | Các xã: Tân Điền, Kiểng Phước | 0,60                           | 0,40     |                   | 0,20     | 2,25                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 33                                                                                   | Mở đường vào Trường Mầm non Tân Thành                                 | Xã Tân Thành                  | 0,04                           |          |                   | 0,04     | 0,40                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| XI. Huyện Tân Phú Đông (Có 01 công trình, dự án)                                     |                                                                       |                               | 0,02                           |          |                   | 0,02     | 0,60                              |                                  |         |
| 1                                                                                    | Đường huyện 84F (đoạn còn lại)                                        | Xã Tân Thới                   | 0,02                           |          |                   | 0,02     | 0,60                              | Ngân sách huyện                  | Mới     |
| 110                                                                                  | Tổng số                                                               |                               | 79,93                          | 33,92    |                   | 46,01    | 906,41                            |                                  |         |
| C. NHÓM CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN DOANH NGHIỆP, ĐẦU TƯ QUA NGÀNH, MỜI GỌI ĐẦU TƯ |                                                                       |                               | 1607,44                        | 293,60   | 0,73              | 1313,11  | 46.158,66                         |                                  |         |
| I. Thành phố Mỹ Tho (Có 09 công trình, dự án)                                        |                                                                       |                               | 341,65                         | 23,90    |                   | 317,76   | 8.141,81                          |                                  |         |

| STT                                                 | Tên công trình, dự án                                                                             | Địa điểm thực hiện                                                          | Diện tích dự kiến thu hồi (ha) | Trong đó      |                   |               | Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Nguồn vốn      | Ghi chú     |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------|-------------------|---------------|-----------------------------------|----------------|-------------|
|                                                     |                                                                                                   |                                                                             |                                | Đất lúa       | Đất rừng phòng hộ | Đất khác      |                                   |                |             |
| 1                                                   | Khu đô thị Mỹ Hưng, thành phố Mỹ Tho                                                              | Xã Mỹ Phong                                                                 | 37,56                          | 9,40          |                   | 28,16         | 3.302,00                          | Mời gọi đầu tư | Mới         |
| 2                                                   | Khu đô thị mới phía Tây Bắc, thành phố Mỹ Tho                                                     | Xã Đạo Thạnh                                                                | 52,80                          | 7,60          |                   | 45,20         | 1.500,00                          | Mời gọi đầu tư | Mới         |
| 3                                                   | Đường Hùng Vương nối dài và khu dân cư 02 bên đường                                               | Xã Đạo Thạnh                                                                | 26,60                          |               |                   | 26,60         | 1.500,00                          | Mời gọi đầu tư | Chuyển tiếp |
| 4                                                   | Đường Nguyễn Công Bình và Khu dân cư hai bên đường (đoạn từ đường Phạm Hùng đến ĐT.870)           | Các xã: Trung An, Phước Thạnh                                               | 19,96                          | 3,14          |                   | 16,82         | 1.156,00                          | Mời gọi đầu tư | Chuyển tiếp |
| 5                                                   | Dự án Khu dân cư Kinh đô Hùng Vương                                                               | Xã Trung An                                                                 | 9,68                           | 1,00          |                   | 8,68          | 608,81                            | Mời gọi đầu tư | Mới         |
| 6                                                   | Đường dây 110KV 2 mạch trạm 220KV Cần Đước - Cần Đước 110KV - Gò Công - TBA 220KV Mỹ Tho          | Các xã: Tân Mỹ Chánh, Mỹ Phong, Đạo Thạnh, Phước Thạnh, Trung An, Phường 10 | 0,96                           | 0,40          |                   | 0,57          |                                   | Vốn ngành điện | Chuyển tiếp |
| 7                                                   | Trạm 110KV Tân Mỹ Chánh và đường dây đầu nối                                                      | Xã Tân Mỹ Chánh                                                             | 0,65                           | 0,41          |                   | 0,24          | 75,00                             | Vốn ngành điện | Chuyển tiếp |
| 8                                                   | Xây dựng 110KV mạch kép từ trạm 220KV Bến Tre đi trạm 220KV Mỹ Tho, tiết diện phân pha 2xACSR 240 | Các xã: Phước Thạnh, Trung An, Thới Sơn                                     | 0,80                           |               |                   | 0,80          |                                   | Vốn ngành điện | Chuyển tiếp |
| 9                                                   | Khu đô thị Đông Bắc, thành phố Mỹ Tho                                                             | Xã Đạo Thạnh                                                                | 192,64                         | 1,95          |                   | 190,69        |                                   | Mời gọi đầu tư | Chuyển tiếp |
| <b>II. Thị xã Gò Công (Có 18 công trình, dự án)</b> |                                                                                                   |                                                                             | <b>270,41</b>                  | <b>144,27</b> |                   | <b>126,14</b> | <b>17.163,01</b>                  |                |             |
| 1                                                   | Khu tái định cư Bình Đông                                                                         | Xã Bình Đông                                                                | 10,30                          | 6,04          |                   | 4,26          | 350,00                            |                | Mới         |
| 2                                                   | Công viên nghĩa trang nhân dân thị xã Gò Công                                                     | Xã Tân Trung                                                                | 12,03                          | 8,00          |                   | 4,03          |                                   | Mời gọi đầu tư | Mới         |
| 3                                                   | Khu đô thị Trần Công Tường                                                                        | Phường 4, xã Long Chánh                                                     | 26,80                          | 8,50          |                   | 18,30         | 1.800,00                          | Mời gọi đầu tư | Mới         |
| 4                                                   | Khu dân cư Bình Đông                                                                              | Xã Bình Đông                                                                | 16,47                          | 9,66          |                   | 6,81          | 1.786,00                          | Mời gọi đầu tư | Mới         |
| 5                                                   | Trạm 110kV Soài Rạp và đường dây đầu nối                                                          | Các xã: Tân Trung, Bình Xuân                                                | 0,78                           | 0,66          |                   | 0,12          | 200,00                            | Vốn ngành điện | Chuyển tiếp |
| 6                                                   | Lộ ra 110kV Trạm 220kV Gò Công                                                                    | Các xã: Long Chánh, Bình Xuân                                               | 0,50                           | 0,37          |                   | 0,13          | 65,00                             | Vốn ngành điện | Chuyển tiếp |
| 7                                                   | Đường và khu dân cư Rạch Cầu huyện                                                                | Phường 2, xã Long Thuận                                                     | 9,30                           |               |                   | 9,30          | 2.000,00                          | Mời gọi đầu tư | Mới         |
| 8                                                   | Đường và khu dân cư hai bên đường Kênh Bến Xe                                                     | Phường 3, xã Long Hưng                                                      | 14,14                          | 5,64          |                   | 8,50          | 560,00                            | Mời gọi đầu tư | Chuyển tiếp |
| 9                                                   | Đường và khu dân cư hai bên đường Vành đai phía đông - đoạn 1                                     | Xã Long Hưng                                                                | 10,88                          | 7,26          |                   | 3,62          | 440,00                            | Mời gọi đầu tư | Chuyển tiếp |
| 10                                                  | Đường và khu dân cư hai bên đường Vành đai phía đông - đoạn 2                                     | Xã Long Thuận                                                               | 9,10                           | 7,95          |                   | 1,15          | 1.771,70                          | Mời gọi đầu tư | Chuyển tiếp |
| 11                                                  | Đường Trương Định nối dài và khu dân cư hai bên đường giai đoạn 4                                 | Xã Long Hòa                                                                 | 15,10                          | 9,06          |                   | 6,04          | 300,00                            | Mời gọi đầu tư | Mới         |
| 12                                                  | Đường dây 110 kV 2 mạch trạm 220kV Cần Đước - Cần Đước 110kV - Gò Công - TBA 220kV Mỹ Tho         | Các xã: Long Chánh, Bình Xuân                                               | 0,51                           | 0,51          |                   |               | 366,00                            | Vốn ngành điện | Chuyển tiếp |
| 13                                                  | Trạm biến áp 220kV Gò Công và đường dây đầu nối Gò Công Cần Đước                                  | Xã Bình Xuân                                                                | 5,20                           | 0,20          |                   | 5,00          | 717,00                            | Vốn ngành điện | Chuyển tiếp |

| STT                                                   | Tên công trình, dự án                                                 | Địa điểm thực hiện                                          | Diện tích dự kiến thu hồi (ha) | Trong đó     |                   |               | Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Nguồn vốn        | Ghi chú     |
|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------|-------------------|---------------|-----------------------------------|------------------|-------------|
|                                                       |                                                                       |                                                             |                                | Đất lúa      | Đất rừng phòng hộ | Đất khác      |                                   |                  |             |
| 14                                                    | Khu đô thị Nguyễn Trọng Hợp                                           | Phường 4                                                    | 22,70                          | 9,60         |                   | 13,10         | 1.500,00                          | Mời gọi đầu tư   | Chuyển tiếp |
| 15                                                    | Khu đô thị Phường 5                                                   | Phường 5                                                    | 20,06                          | 2,68         |                   | 17,38         | 1.210,00                          | Mời gọi đầu tư   | Mới         |
| 16                                                    | Khu đô thị xã Long Hoà                                                | Xã Long Hoà                                                 | 45,66                          | 31,96        |                   | 13,70         | 2.946,00                          | Mời gọi đầu tư   | Mới         |
| 17                                                    | Mở rộng Công ty TNHH sản xuất trái cây Hùng Phát                      | Xã Long Hưng                                                | 0,88                           | 0,58         |                   | 0,30          | 125,00                            | Vốn doanh nghiệp | Mới         |
| 18                                                    | Cụm Công nghiệp Mỹ Lợi                                                | Xã Bình Đông                                                | 50,00                          | 35,60        |                   | 14,40         | 1.026,31                          | Mời gọi đầu tư   | Chuyển tiếp |
| <b>III. Thị xã Cai Lậy (Có 06 công trình, dự án)</b>  |                                                                       |                                                             | <b>127,25</b>                  | <b>33,06</b> |                   | <b>94,19</b>  | <b>2.223,00</b>                   |                  |             |
| 1                                                     | Đường số 4 và khu dân cư 2 bên đường (từ ĐH.52 đến tuyến tránh QL1)   | Phường 4, xã Long Khánh                                     | 18,30                          |              |                   | 18,30         | 300,00                            | Vốn doanh nghiệp | Chuyển tiếp |
| 2                                                     | Đường số 1 và khu dân cư 2 bên đường (từ ĐH.52 đến tuyến tránh QL1)   | Các phường: 4, 5, xã Long Khánh                             | 17,45                          |              |                   | 17,45         | 710,00                            | Mời gọi đầu tư   | Chuyển tiếp |
| 3                                                     | Cụm công nghiệp Mỹ Phước Tây                                          | Xã Mỹ Phước Tây                                             | 49,30                          | 29,94        |                   | 19,36         | 250,00                            | Vốn doanh nghiệp | Chuyển tiếp |
| 4                                                     | Chợ Tân Hội kết hợp khu dân cư                                        | Xã Tân Hội                                                  | 4,24                           | 3,12         |                   | 1,12          | 133,00                            | Mời gọi đầu tư   | Chuyển tiếp |
| 5                                                     | Khu dân cư phía Tây sông Ba Rài                                       | Phường 2                                                    | 23,70                          |              |                   | 23,70         | 520,00                            | Mời gọi đầu tư   | Chuyển tiếp |
| 6                                                     | Khu dân cư dọc tuyến tránh 868 - Lộ dây thép                          | Phường Nhị Mỹ                                               | 14,26                          |              |                   | 14,26         | 310,00                            | Mời gọi đầu tư   | Chuyển tiếp |
| <b>IV. Huyện Châu Thành (Có 08 công trình, dự án)</b> |                                                                       |                                                             | <b>103,85</b>                  | <b>23,44</b> |                   | <b>80,41</b>  | <b>2.082,13</b>                   |                  |             |
| 1                                                     | Khu dân cư và chợ mới Tân Hiệp                                        | Thị trấn Tân Hiệp, xã Thân Cửu Nghĩa                        | 26,47                          | 8,20         |                   | 18,27         | 1.215,00                          | Mời gọi đầu tư   | Mới         |
| 2                                                     | Dự án Hạ tầng cụm công nghiệp Tân Lý Đông                             | Xã Tân Lý Đông                                              | 50,00                          | 9,73         |                   | 40,27         | 250,00                            | Mời gọi đầu tư   | Chuyển tiếp |
| 3                                                     | Trạm biến áp 110kV Châu Thành và đường dây đầu nối                    | Các xã: Song Thuận, Vĩnh Kim, Long Hưng, Đông Hòa, Nhị Bình | 1,80                           | 0,36         |                   | 1,44          | 30,00                             | Vốn ngành điện   | Chuyển tiếp |
| 4                                                     | Trạm biến áp 220kV Cái Bè và các đường dây đầu nối                    | Các xã: Tân Hương, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông                  | 1,16                           | 0,25         |                   | 0,91          | 11,76                             | Vốn ngành điện   | Chuyển tiếp |
| 5                                                     | Khu dân cư nông thôn mới Vĩnh Kim (khu A)                             | Xã Vĩnh Kim                                                 | 10,00                          | 2,56         |                   | 7,44          | 473,00                            | Mời gọi đầu tư   | Mới         |
| 6                                                     | Phân pha đường dây 110kV Tân Hương - Long An                          | Xã Tân Hương                                                | 0,01                           |              |                   | 0,01          | 0,50                              | Vốn ngành điện   | Chuyển tiếp |
| 7                                                     | Đường Hùng Vương nối dài và Khu dân cư 02 bên đường Hùng Vương        | Các xã: Long An, Thân Cửu Nghĩa                             | 5,00                           |              |                   | 5,00          | 1,87                              | Mời gọi đầu tư   | Chuyển tiếp |
| 8                                                     | Mở rộng Công viên nghĩa trang Vạn Phước Viên                          | Xã Tân Lý Đông                                              | 9,41                           | 2,34         |                   | 7,07          | 100,00                            | Mời gọi đầu tư   | Chuyển tiếp |
| <b>V. Huyện Tân Phước (Có 10 công trình, dự án)</b>   |                                                                       |                                                             | <b>145,45</b>                  | <b>8,21</b>  |                   | <b>137,24</b> | <b>1.708,00</b>                   |                  |             |
| 1                                                     | Trạm 110kV KCN Tân Phước 1 và đường dây đầu nối TBA 110kV Tân Phước 1 | Xã Tân Lập 1                                                | 0,50                           |              |                   | 0,50          |                                   | Vốn ngành điện   | Mới         |
| 2                                                     | Dự án Trạm bơm và tuyến ống nước thô Khu công nghiệp Long Giang       | Xã Tân Lập 1                                                | 0,10                           |              |                   | 0,10          | 10,00                             | Vốn doanh nghiệp | Chuyển tiếp |
| 3                                                     | Cụm Công nghiệp Thanh Tân                                             | Xã Thanh Tân                                                | 50,00                          | 6,50         |                   | 43,50         | 571,00                            | Vốn doanh nghiệp | Chuyển tiếp |
| 4                                                     | Đường dẫn vào Khu công nghiệp Tân Phước 1                             | Xã Tân Lập 1                                                | 1,13                           |              |                   | 1,13          | 25,00                             | Vốn doanh nghiệp | Chuyển tiếp |

| STT                                                | Tên công trình, dự án                                                                                                                                                | Địa điểm thực hiện                                                                                             | Diện tích dự kiến thu hồi (ha) | Trong đó     |                   |              | Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Nguồn vốn                                | Ghi chú     |
|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------|-------------------|--------------|-----------------------------------|------------------------------------------|-------------|
|                                                    |                                                                                                                                                                      |                                                                                                                |                                | Đất lúa      | Đất rừng phòng hộ | Đất khác     |                                   |                                          |             |
| 5                                                  | Đường dẫn vào Khu công nghiệp Tân Phước 2                                                                                                                            | Các xã: Tân Hòa Thành, Hưng Thạnh, Tân Lập 2                                                                   | 4,00                           |              |                   | 4,00         | 62,00                             | Vốn doanh nghiệp                         | Chuyển tiếp |
| 6                                                  | Khu tái định cư của Khu công nghiệp Tân Phước 1                                                                                                                      | Xã Tân Lập 1                                                                                                   | 48,00                          |              |                   | 48,00        | 148,00                            | Vốn doanh nghiệp                         | Chuyển tiếp |
| 7                                                  | Khu tái định cư của Khu công nghiệp Tân Phước 2                                                                                                                      | Xã Tân Lập 2                                                                                                   | 35,60                          |              |                   | 35,60        | 110,00                            | Vốn doanh nghiệp                         | Chuyển tiếp |
| 8                                                  | Công trình Trạm biến áp 220kV Cái Bè (Tân Phước và đường dây đầu nối)                                                                                                | Các xã: Tân Hòa Thành, Tân Lập 1                                                                               | 5,50                           | 1,40         |                   | 4,10         | 689,00                            | Vốn ngành điện                           | Chuyển tiếp |
| 9                                                  | Công trình Lộ ra 110kV Trạm 220kV Cái Bè (đường dây 4 mạch chuyển tiếp trên đường dây 2 mạch KCN Tân Phước 1 - Trạm 110kV Tân Phước - Phú Cường - Mỹ Hội - Mỹ Thuận) | Các xã: Tân Hòa Thành, Tân Lập 1                                                                               | 0,19                           | 0,18         |                   | 0,01         | 11,00                             | Vốn ngành điện                           | Chuyển tiếp |
| 10                                                 | Công trình Lộ ra Trạm 220kV Cái Bè (Đường dây 2 mạch chuyển tiếp vào đường dây Mỹ Tho 2 - Tân Hương - Long An)                                                       | Các xã: Tân Hòa Thành, Tân Lập 1                                                                               | 0,43                           | 0,13         |                   | 0,30         | 82,00                             | Vốn ngành điện                           | Chuyển tiếp |
| <b>VI. Huyện Cai Lậy (Có 05 công trình, dự án)</b> |                                                                                                                                                                      |                                                                                                                | <b>98,07</b>                   | <b>10,40</b> |                   | <b>87,67</b> | <b>3.401,55</b>                   |                                          | Chuyển tiếp |
| 1                                                  | Nhà máy nước Hiệp Đức                                                                                                                                                | Xã Hiệp Đức                                                                                                    | 1,00                           |              |                   | 1,00         | 141,20                            | Vốn doanh nghiệp                         | Chuyển tiếp |
| 2                                                  | Trạm bơm nước thô Cái Bè và hệ thống ống truyền tải                                                                                                                  | Xã Tam Bình                                                                                                    | 1,78                           |              |                   | 1,78         | 60,90                             | Vốn doanh nghiệp                         | Chuyển tiếp |
| 3                                                  | Đường kết nối vào/ra giữa Trạm dừng nghỉ và đường Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận                                                                                     | Xã Phú Nhuận                                                                                                   | 1,00                           | 0,60         |                   | 0,40         | 44,97                             | Vốn doanh nghiệp                         | Chuyển tiếp |
| 4                                                  | Khu đô thị mới huyện Cai Lậy phía Đông sông Bình Long                                                                                                                | Thị trấn Bình Phú                                                                                              | 46,02                          | 5,50         |                   | 40,52        | 1.460,11                          | Vốn doanh nghiệp                         | Chuyển tiếp |
| 5                                                  | Khu đô thị mới huyện Cai Lậy phía Tây sông Bình Long                                                                                                                 | Thị trấn Bình Phú                                                                                              | 48,27                          | 4,30         |                   | 43,97        | 1.694,37                          | Vốn doanh nghiệp                         | Chuyển tiếp |
| <b>VII. Huyện Cái Bè (Có 09 công trình, dự án)</b> |                                                                                                                                                                      |                                                                                                                | <b>76,60</b>                   | <b>2,70</b>  |                   | <b>73,90</b> | <b>4.007,46</b>                   |                                          |             |
| 1                                                  | Cải tạo, nâng cấp đường dây 110kV Trạm 220kV Cao Lãnh - Mỹ Thuận                                                                                                     | Các xã: Tân Thanh, Tân Hưng                                                                                    | 1,85                           |              |                   | 1,85         |                                   | Vốn ngành điện                           | Mới         |
| 2                                                  | Dự án Khu Tái định cư Dự án Đường cao tốc Cao Lãnh - An Hữu                                                                                                          | Các xã: Anh Thái Trung, Tân Hưng                                                                               | 4,00                           |              |                   | 4,00         | 60,00                             | Vốn dự án cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận | Mới         |
| 3                                                  | Dự án Mở rộng khu dân cư chợ Thiên Hộ (giai đoạn 2)                                                                                                                  | Xã Hậu Mỹ Bắc A                                                                                                | 2,55                           | 1,00         |                   | 1,55         | 66,00                             | Mời gọi đầu tư                           | Chuyển tiếp |
| 4                                                  | Khu dân cư chợ An Hữu                                                                                                                                                | Xã An Hữu                                                                                                      | 10,40                          |              |                   | 10,40        | 292,00                            | Mời gọi đầu tư                           | Chuyển tiếp |
| 5                                                  | Đường Lộ Gõn và Khu dân cư 02 bên đường (từ đường Lê Thị Kim Chi đến Quốc lộ 1)                                                                                      | Các xã: An Cư, Đông Hòa Hiệp, thị trấn Cái Bè                                                                  | 18,79                          |              |                   | 18,79        | 289,46                            | Mời gọi đầu tư                           | Chuyển tiếp |
| 6                                                  | Khu dân cư và chợ Cái Bè                                                                                                                                             | Thị trấn Cái Bè, xã Hoà Khánh                                                                                  | 28,00                          | 0,50         |                   | 27,50        | 700,00                            | Mời gọi đầu tư                           | Chuyển tiếp |
| 7                                                  | Nhà máy nước 3 tỉnh: Tiền Giang - Long An - Bến Tre                                                                                                                  | Xã Mỹ Lương                                                                                                    | 7,00                           |              |                   | 7,00         | 2.300,00                          | Vốn doanh nghiệp                         | Chuyển tiếp |
| 8                                                  | Cấp đường dẫn cao tốc                                                                                                                                                | Xã Mỹ Hội                                                                                                      | 0,47                           | 0,20         |                   | 0,27         |                                   | Vốn BOT                                  | Chuyển tiếp |
| 9                                                  | Đường dây 500kV Sông Hậu - Đức Hoà                                                                                                                                   | Các xã: An Hữu, Tân Thanh, An Thái Trung, Mỹ Lợi A, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây, Thiện Trung, Mỹ Tân, Hậu Mỹ Trinh | 3,54                           | 1,00         |                   | 2,54         | 300,00                            | Vốn ngành điện                           | Mới         |

| STT                                              | Tên công trình, dự án                                                                                    | Địa điểm thực hiện                                                                            | Diện tích dự kiến thu hồi (ha) | Trong đó |                   |          | Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Nguồn vốn        | Ghi chú     |
|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------|-------------------|----------|-----------------------------------|------------------|-------------|
|                                                  |                                                                                                          |                                                                                               |                                | Đất lúa  | Đất rừng phòng hộ | Đất khác |                                   |                  |             |
| VIII. Huyện Chợ Gạo (Có 04 công trình, dự án)    |                                                                                                          |                                                                                               | 42,20                          |          |                   | 42,20    | 1.758,70                          |                  |             |
| 1                                                | Đường dây điện 110kV mạch 2 trạm 220kV Cần Đước, Cần Đước 110kV - Gò Công - TBA 220kV Mỹ Tho             | Các xã: Bình Phục Nhứt, Bình Phan, Tân Thuận Bình, Long Bình Điền, Đàng Hưng Phước, Song Bình | 0,75                           |          |                   | 0,75     | 1,20                              | Vốn ngành điện   | Chuyển tiếp |
| 2                                                | Trạm 110kV Tân Mỹ Chánh và đường dây đầu nối                                                             | Xã Song Bình                                                                                  | 0,07                           |          |                   | 0,07     | 1,50                              | Vốn ngành điện   | Chuyển tiếp |
| 3                                                | Trạm biến áp 110kV Thanh Bình và đường dây đầu nối 110kV Thanh Bình, tỉnh Tiền Giang                     | Các xã: Song Bình, Thanh Bình                                                                 | 0,68                           |          |                   | 0,68     | 6,00                              | Vốn ngành điện   | Chuyển tiếp |
| 4                                                | Đường Hùng Vương nối dài và khu dân cư 02 bên đường                                                      | Xã Lương Hòa Lạc                                                                              | 40,70                          |          |                   | 40,70    | 1.750,00                          | Mời gọi đầu tư   | Chuyển tiếp |
| IX. Huyện Gò Công Tây (Có 09 công trình, dự án)  |                                                                                                          |                                                                                               | 218,35                         | 39,42    |                   | 178,93   |                                   |                  |             |
| 1                                                | Cụm công nghiệp Đồng Sơn                                                                                 | Xã Đồng Sơn                                                                                   | 70,00                          | 0,58     |                   | 69,42    |                                   | Mời gọi đầu tư   | Chuyển tiếp |
| 2                                                | Cụm Công nghiệp Long Bình                                                                                | Xã Bình Tân                                                                                   | 20,00                          | 18,78    |                   | 1,22     |                                   | Mời gọi đầu tư   | Chuyển tiếp |
| 3                                                | Cụm công nghiệp Vĩnh Hựu                                                                                 | Xã Vĩnh Hựu                                                                                   | 38,00                          |          |                   | 38,00    |                                   | Mời gọi đầu tư   | Chuyển tiếp |
| 4                                                | Bến cảng Đồng Sơn                                                                                        | Xã Đồng Sơn                                                                                   | 30,00                          |          |                   | 30,00    |                                   | Mời gọi đầu tư   | Mới         |
| 5                                                | Đường dây điện 110kV 2 mạch trạm 220kV Cần Đước - Cần Đước 110kV - Gò Công trạm 220kV Mỹ Tho             | Các xã: Bình Phú, Thành Công, Yên Luông, Thanh Trị, Đồng Thạnh, Bình Nhì, Thanh Nhứt          | 1,22                           | 1,22     |                   |          |                                   | Vốn doanh nghiệp | Chuyển tiếp |
| 6                                                | Trạm biến áp 110kV Tân Phú Đông Tiền Giang và đường dây 110kV đầu nối TBA 110kV Tân Phú Đông, Tiền Giang | Các xã: Thành Công, Yên Luông, Bình Tân, Long Bình                                            | 0,67                           | 0,07     |                   | 0,60     |                                   | Vốn doanh nghiệp | Mới         |
| 7                                                | Trạm biến áp 220 kV Gò Công và Đường dây đầu nối                                                         | Các xã: Bình Phú, Thành Công                                                                  | 0,62                           | 0,62     |                   |          |                                   | Vốn doanh nghiệp | Chuyển tiếp |
| 8                                                | Khu dân cư Đồng Sơn                                                                                      | Xã Đồng Sơn                                                                                   | 30,00                          | 2,24     |                   | 27,76    |                                   | Vốn doanh nghiệp | Mới         |
| 9                                                | Khu đô thị mới thị trấn Vĩnh Bình                                                                        | Thị trấn Vĩnh Bình                                                                            | 27,84                          | 15,91    |                   | 11,93    |                                   | Vốn doanh nghiệp | Mới         |
| X. Huyện Gò Công Đông (Có 06 công trình, dự án)  |                                                                                                          |                                                                                               | 72,83                          | 7,86     | 0,73              | 64,24    | 5.523,00                          |                  |             |
| 1                                                | Dự án Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 2 (hạng mục: cấp ngầm đoạn sạt lở)                                   | Xã Tân Thành                                                                                  | 0,16                           |          |                   | 0,16     | 2.242,00                          | Vốn doanh nghiệp | Mới         |
| 2                                                | Dự án Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1 (hạng mục: cấp ngầm đoạn sạt lở)                                   | Xã Tân Thành                                                                                  | 0,06                           |          |                   | 0,06     | 700,00                            | Vốn doanh nghiệp | Mới         |
| 3                                                | Khu dân cư ven sông Long Ung                                                                             | Thị trấn Tân Hòa                                                                              | 10,66                          | 6,70     |                   | 3,96     | 220,00                            | Mời gọi đầu tư   | Chuyển tiếp |
| 4                                                | Khu dân cư ven biển                                                                                      | Xã Tân Thành                                                                                  | 60,00                          |          |                   | 60,00    | 860,00                            | Mời gọi đầu tư   | Chuyển tiếp |
| 5                                                | Mương thay thế kênh Mương Cai                                                                            | Xã Gia Thuận                                                                                  | 0,73                           |          | 0,73              |          | 1,00                              | Vốn doanh nghiệp | Chuyển tiếp |
| 6                                                | Trạm 110kV KCN Soài Rạp và đường dây đầu nối                                                             | Các xã: Tân Phước, Tân Tây, Gia Thuận                                                         | 1,22                           | 1,16     |                   | 0,06     | 1.500,00                          | Vốn doanh nghiệp | Chuyển tiếp |
| XI. Huyện Tân Phú Đông (Có 03 công trình, dự án) |                                                                                                          |                                                                                               | 110,77                         | 0,34     |                   | 110,43   | 150,00                            |                  |             |

| STT | Tên công trình, dự án                                                                                           | Địa điểm thực hiện | Diện tích dự kiến thu hồi (ha) | Trong đó      |                   |                | Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng) | Nguồn vốn                                                      | Ghi chú     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------|---------------|-------------------|----------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------|
|     |                                                                                                                 |                    |                                | Đất lúa       | Đất rừng phòng hộ | Đất khác       |                                   |                                                                |             |
| 1   | Bến phà Vàm Giồng                                                                                               | Xã Tân Thới        | 0,18                           |               |                   | 0,18           | 20,00                             | Vốn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Ban Quản lý Bến phà | Chuyển tiếp |
| 2   | Trạm biến áp 110kV Tân Phú Đông và đường dây đầu nối Trạm biến áp 110kV đầu nối Trạm biến áp 110kV Tân Phú Đông | Xã Phú Thạnh       | 0,59                           | 0,34          |                   | 0,25           | 130,00                            | AFD (Vốn vay của Pháp)                                         | Chuyển tiếp |
| 3   | Dự án trồng rừng theo Kế hoạch của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn                                       | Xã Phú Tân         | 110,00                         |               |                   | 110,00         |                                   | Vốn doanh nghiệp                                               | Chuyển tiếp |
| 87  | <b>Tổng số</b>                                                                                                  |                    | <b>1607,44</b>                 | <b>293,60</b> | <b>0,73</b>       | <b>1313,11</b> | <b>46.158,66</b>                  |                                                                |             |
| 298 | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                                |                    | <b>2040,74</b>                 | <b>426,37</b> | <b>2,79</b>       | <b>1611,58</b> | <b>64.002,86</b>                  |                                                                |             |